TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2019/HS-ST
Ngày: 18/6/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Duy Trung.
Các Hội thẩm nhân dân:
- Ông Huỳnh Văn Bé.
- Bà Nguyễn Phước Trinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn Bé - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Hoa Huệ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 6 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 76/2019/TLST-HS ngày 25 tháng 4 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2019/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 6 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Trần Văn T, sinh ngày 15 tháng 10 năm 1993 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi đăng ký HKTT: Đội 10, thôn 6, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi, nơi cư trú: Tổ 3, Khu phố 2, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: phụ giúp gia đình; trình độ văn hóa: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn N và bà Lê Thị Thu H; bị cáo có vợ và 01 con sinh năm 2014,tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt, tạm giữ chuyển tạm giam từ ngày 01/01/2019 cho đến nay (có mặt).

2. Họ và tên: Nguyễn Anh V, sinh ngày 30 tháng 9 năm 1991 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: Tổ 1, ấp B, xã N, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: phụ gia đình; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn Th và bà Trần Thị L; bị cáo có vợ và 01 con sinh năm 2013; tiền án: ngày 13/3/2017 bị Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xử phạt 09 tháng tù về tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có; tiền sự: không; bị bắt, tạm giữ chuyển tạm giam từ ngày 08/01/2019 cho đến nay (có mặt).

Người bị hại:
1/ Ông Lê Duy Kh, sinh năm 1978.
2/ Bà Lê Thị Tr, sinh năm 1990.
Cùng địa chỉ: 20A Đường số 414, ấp 3, xã Ph, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Ông Nguyễn Ngọc Tr2, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Nhà trọ Đức Lợi, ấp Tr, xã Tr2, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1978.

Địa chỉ: 213 Nguyễn Văn Khạ, ấp C2, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Bà Huỳnh Thị B, sinh năm 1958.

Địa chỉ: 821 Quốc lộ 22, ấp Chợ, xã Ph2, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 00 giờ 00 phút ngày 27/12/2018, Trần Văn T điều khiển xe máy gắn biển số giả đến phòng trọ của Nguyễn Anh V tại ấp B, xã N, huyện C để chơi ma túy. Sau đó, T cùng V bàn bạc kiếm tiền tiêu xài. Cả hai đến phòng trọ tại ấp 3, xã Ph, huyện C tìm tài sản sơ hở để trộm.

Khi đến dãy trọ tại số 20A Đường số 414, ấp 3, xã Ph, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, thấy phòng trọ số 3 của ông Lê Duy Kh và bà Lê Thị Tr khóa cửa ngoài, V ngồi trên xe cảnh giới, T dùng kềm bấm mở khóa vào phòng, lục lấy trong 01 áo khoác màu xanh và 01 túi xách đen có đựng dây chuyền, nhẫn vàng, vòng vàng, tiền và lấy 01 máy tính bảng. Sau khi chiếm đoạt xong, cả hai đem về phòng trọ của V để cất giữ. T đã lấy một phần tài sản vừa trộm đem bán được 51.600.000 đồng tiêu xài riêng, chưa chia cho V, còn lại chưa kịp bán thì bị phát hiện thu giữ.

Qua điều tra, tài sản bị T, V lấy được gồm:

- 01 sợi dây chuyền vàng 24K, trọng lượng 05 chỉ;
- 01 chiếc nhẫn vàng 24K, trọng lượng 01 chỉ;
- 03 chiếc nhẫn vàng 18K, tổng trọng lượng 02 chỉ;
- 01 cọc tiền 14.000.000 đồng;
- 01 vòng đeo tay vàng 18K, trọng lượng 1,5 chỉ;
- 01 sợi dây chuyền bằng vàng 18K, trọng lượng 4,468 chỉ;
- 01 sợi dây chuyền vàng 18K, trọng lượng 2,275 chỉ;
- 01 mặt dây hình ngôi sao bằng vàng 18K, trọng lượng 0,526 chỉ;
- 01 mặt dây chuyền hình Phật gắn đá màu xanh, trọng lượng 1,307 chỉ;
- 01 chiếc lắc vàng 18K, trọng lượng 05 chỉ;
- 01 chiếc lắc vàng 24K, trọng lượng 03 chỉ;
- 01 chiếc nhẫn vàng 9999, trọng lương 02 chỉ;
- 01 máy tính bảng màu đen, hiệu Viettel, không định giá được.

Tại Bản kết luận định giá số 71/KL-HĐĐGTS ngày 28/3/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự đã kết luận giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 82.269.230 đồng.

Tổng giá trị tài sản của ông Kh và bà Tr chiếm đoạt là 82.269.230 đồng + 14.000.000 đồng = 96.269.230 đồng.

Sau khi bị phát hiện, T và V còn khai nhận đã trộm 01 xe máy hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ-đen, biển số 66V1-538.31, số máy E3T6E230820, số khung 1740HY036573 vào đêm 21/12/2018 của anh Nguyễn Ngọc Tr2 tại nhà trọ Đức Lợi thuộc địa bàn ấp Tr, xã Tr2, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại Bản kết luận định giá số 74/KL-HĐĐGTS ngày 28/3/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự đã kết luận giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 24.000.000 đồng.

Vật chứng vụ án: 01 kềm bấm bằng kim loại màu xám.

Quá trình điều tra, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi của mình.

Tại Bản cáo trạng số 70/CT-VKS ngày 22 tháng 4 năm 2019, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị can Trần Văn T và Nguyễn Anh V về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c Khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên toà, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như trên, đồng thời tỏ ra ăn năn hối cải.

Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa, trong quá trình điều tra người bị hại đã nhận lại tài sản bị trộm, được bồi thường thiệt hại về tài sản, không có yêu cầu gì về dân sự và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi giữ quyền công tố phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù; áp dụng điểm s khoản 1 Điều 52, điểm g, h khoản 1 Điều 52, điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Nguyễn Anh V từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù.

Về dân sự: không có yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về vật chứng: đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định.

Bị cáo Trần Văn T nói lời nói sau cùng: Bị cáo ăn năn, hối hận và biết lỗi của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm về với gia đình.

Bị cáo Nguyễn Anh V nói lời nói sau cùng: Bị cáo ăn năn, hối hận và biết lỗi của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm hòa nhập cộng đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Củ Chi, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của

Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Xét người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, nhưng sự vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết nội dung vụ án, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Các bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Anh V có hành vi lén lút chiếm đoạt tiền, vàng của ông Lê Duy Kh, bà Lê Thị Tr trị giá 96.269.230 đồng và chiếc xe máy hiệu Yamaha Sirius, biển số 66V1-538.31, màu đỏ đen, số máy E3T6E230820, số khung 1740HY036573 của ông Nguyễn Ngọc Tr2 trị giá 24.000.000 đồng theo các Kết luận định giá số . Hành vi nêu trên của các bị cáo đã phạm tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi truy tố các bị cáo về tội Trộm cắp tài sản là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm, với phương thức lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu, lén lút chiếm đoạt tài sản. Hành vi của các bị cáo chẳng những đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người bị hại mà còn gây mất trật tự an toàn xã hội, gây ảnh hưởng đến đời sống và sinh hoạt tại địa phương. Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo nhận thức rõ việc chiếm đoạt tài sản của người khác là sai trái, phạm pháp, thế nhưng các bị cáo vẫn ngang nhiên đi đến hành động phạm tội nhằm thoả mãn động cơ tư lợi riêng của cá nhân của bị cáo. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy cần phải xử lý bị cáo bằng một hình phạt nghiêm khắc là cần thiết.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Hai bị cáo phạm tội 02 lần nên thuộc trường hợp quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

Bị cáo V phạm tội khi chưa được xóa án tích nên thuộc trường hợp tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: các bị cáo sau khi phạm tội đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải tại Cơ quan Điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo được bị hại làm đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xem xét giảm nhẹ cho bị cáo phần nào về hình phạt là phù hợp với quy định pháp luật.

Đối với bị cáo T đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xét trong vụ án này, bị cáo T là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm tài sản của ông Kh và bà Tr, số tài sản chiếm đoạt, bị cáo T đã tự mình tiêu xài, chưa chia cho bị cáo V, nên lẽ ra trách nhiệm hình sự trong vụ án này bị cáo T phải gánh chịu cao hơn bị cáo V. Tuy nhiên, do bị cáo V có nhiều tình tiết tăng nặng hơn và ít tình tiết giảm nhẹ hơn so với bị cáo T. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng một mức hình phạt như nhau cho cả 02 bị cáo là phù hợp, công bằng.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại và các bị cáo đã thỏa thuận giải quyết xong, không ai có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về vật chứng vụ án: 01 kềm bấm bằng kim loại màu xám là công cụ do các bị cáo dùng để phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

Ngoài ra, trong vụ án này, các bị cáo đã dùng phương tiện là chiếc xe gắn máy gắn biển số giả làm phương tiện đi thực hiện hành vi trộm cắp, cơ quan cảnh sát điều tra đã tách giao xe máy này cho Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội – Công an huyện Củ Chi để giải quyết do có liên quan đến vụ án khác. Hội đồng xét xử thấy phù hợp nên không xét.

[6] Về nghĩa vụ chịu án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015, Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Trần Văn T và Nguyễn Anh V phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Căn cứ vào điểm c khoảng 2 Điều 173; Điểm b, s Khoản 1 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Trần Văn T 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01/01/2019.

- Căn cứ vào điểm c khoảng 2 Điều 173; Điểm s Khoản 1 Điều 51; Điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Anh V 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08/01/2019.

- Áp dụng điểm a khoản 2 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Tịch thu tiêu hủy:

01 kềm bấm bằng kim loại màu xám (Phiếu nhập kho vật chứng số 70/PNK ngày 29/3/2019 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Củ Chi).

- Áp dụng Điều 135 và Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Luật phí và lệ phí năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Án phí hình sự sơ thẩm: buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng).

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND huyện Củ Chi;
- Công an huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu: HS, VP.

Trần Duy Trung